

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 280/2018/HSPT
Ngày 20 tháng 11 năm 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: ông Đặng Kim Nhân - Thẩm phán

Các Thẩm phán: ông Trần Minh Tuấn, ông Nguyễn Cường

- Thư ký phiên tòa: bà Văn Thị Mỹ Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Đinh Ngọc Kính - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 20 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa công khai để xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 332/2018/TLPT-HS ngày 09/10/2018, đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 25/2018/HS-ST ngày 30/8/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Bị cáo: **Phan Thị Hồng T**, sinh năm 1970, tại huyện N, tỉnh Quảng Nam; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: khối phố B, phường H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: thợ may; trình độ văn hóa: lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan H, sinh năm 1935 (chết) và bà Phạm Thị K, sinh năm 1936; có chồng là Trần Đoàn V, sinh năm 1971; có 02 con, con lớn sinh năm 1999, con nhỏ sinh năm 2001; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27/9/2017, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Nam; có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa: Luật sư Nguyễn Xuân B - Văn phòng Luật sư K, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Nam, bào chữa cho bị cáo Phan Thị Hồng T theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng, Luật sư B có mặt.

Người bị hại (Tòa án cấp phúc thẩm không triệu tập):

1. Bà Ngô Nguyệt C, sinh năm 1974, nơi cư trú: phường H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

2. Bà Nguyễn Phan Diễm T1, sinh năm 1980; nơi cư trú: nhà số 06, đường D, phường H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

3. Ông Trần Đăng K, sinh năm 1976; nơi cư trú: phường H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

4. Ông Trần Văn Trí H, sinh năm 1977; nơi cư trú: nhà số 02, đường D, phường H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

5. Bà Ngô Nguyệt L, sinh năm 1969; nơi cư trú: thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

6. Bà Huỳnh Thị Kim C1, sinh năm 1968; nơi cư trú: nhà số 14, đường D, phường H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

7. Bà Ngô Nguyệt M, sinh năm 1963; nơi cư trú: nhà số 121, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

8. Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1966; nơi cư trú: khối phố B, phường H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

9. Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1956; nơi cư trú: nhà số 05, đường D, phường H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

10. Bà Nguyễn Thị Diễm N, sinh năm 1976; nơi cư trú: thành phố Đà Nẵng.

11. Bà Trần Thị Kim C2, sinh năm 1989; nơi cư trú: khối phố B, phường H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

12. Bà Nguyễn Thị Thu U, sinh năm 1974; nơi cư trú: khối phố B, phường H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Ngô Lê Thị Thu T, sinh năm 1974; nơi cư trú: thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

2. Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1972; nơi cư trú: thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

3. Bà Lê Phạm Thu T, sinh năm 1995; nơi cư trú: thành phố Đà Nẵng.

4. Ông Trần Đoàn V, sinh năm 1971; nơi cư trú: khối phố B, phường H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

5. Bà Lương Thị Minh T2, sinh năm 1981; nơi cư trú: thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Từ năm 2007 đến năm 2015, Phan Thị Hồng T đã từng tổ chức nhiều dây biêu nên nắm bắt được tâm lý của những người chơi biêu là muốn nhận biêu vào những kỳ mở biêu gần trút ông để nhận được

hiều tiền lãi. Vì muốn có tiền chi tiêu cá nhân nên từ tháng 02/2016, T đã nói dối nhiều người là T đang làm chủ nhiều dây biêu; hạn lĩnh biêu 10 ngày hoặc biêu tháng; phần biêu thấp nhất là 1.000.000 đồng, cao nhất là 10.000.000 đồng; số lượng người chơi mỗi dây biêu khoảng 10 hoặc 12 người; T cầm cái biêu nên có quyền hốt biêu đột đầu và không phải trả lãi cho các thành viên khác trong dây biêu.

Để tạo niềm tin cho người chơi và đề phòng người chơi kiểm tra Sổ biêu, T lập không Sổ biêu ghi số người chơi mỗi dây biêu 10 hoặc 12 người; nhưng trên thực tế mỗi dây biêu chỉ có từ 01 đến 03 người tham gia thật. Mỗi kỳ mở biêu tại mỗi dây biêu, T nói dối là có người đã lĩnh biêu để trả tiền lãi cho những người góp biêu tin và tiếp tục góp biêu cho T; việc trả tiền lãi biêu, nhận tiền góp biêu T đều ghi vào giấy, giao người góp biêu giữ làm tin.

Với thủ đoạn gian dối nêu trên thì từ tháng 02/2016 đến tháng 11/2016, T đã chiếm đoạt 813.020.000 đồng của 12 bị hại, cụ thể như sau:

1/ Bà Ngô Nguyệt C (sinh năm 1974; trú tại nhà số 08 đường D, thành phố T, tỉnh Quảng Nam) tham gia 09 dây biêu từ 3.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng và T đã chiếm đoạt của bà C số tiền 477.820.000 đồng:

- Ngày 17/2/2016, bà C tham gia dây biêu tháng 5.000.000 đồng, số tiền bà C góp tại dây biêu này và T đã chiếm đoạt là 41.290.000 đồng;

- Ngày 23/2/2016, bà C tham gia vào dây biêu tháng 6.000.000 đồng, số tiền bà C góp tại dây biêu này và T đã chiếm đoạt là 43.550.000 đồng;

- Ngày 27/2/2016, T nói với bà C là T đang làm chủ dây biêu tháng 10.000.000 đồng đã mở biêu được 02 kỳ và có 12 người tham gia và tại kỳ mở biêu thứ 03 của dây biêu này có Trương T3 T3 (sinh năm 1983, thành phố Đà Nẵng) muốn chuyển giao phần biêu nên bà C đồng ý và đưa cho T 103.000.000 đồng để nhận phần biêu chuyển giao. Sau đó T lấy số tiền này cộng với tiền của T để chuyển cho T3 hốt biêu, hàng tháng T3 đều gửi tiền góp biêu cho T qua số tài khoản A0105557536 của anh Trần Đoàn V - chồng của T; như vậy, tại dây biêu này T không chiếm đoạt tiền của T3. Tuy nhiên để chiếm đoạt số tiền mà bà C đã nhận chuyển giao từ T3 thì mỗi kỳ mở biêu T đều nói dối bà C là có người lĩnh và giao cho bà C số tiền lãi 6.280.000 đồng.

- Ngày 22/8/2016, bà C tham gia dây biêu tháng 10.000.000 đồng, số tiền bà C góp tại dây biêu này và T đã chiếm đoạt là 35.050.000 đồng;

- Ngày 08/10/2016, bà C tham gia vào dây biêu 10 ngày, mỗi ngày 3.000.000 đồng, số tiền bà C góp tại dây biêu này và T đã chiếm đoạt là 13.710.000 đồng;

- Ngày 20/10/2016, T nói với bà C là T đang làm chủ dây biêu tháng

10.000.000 đồng, có 11 người tham gia góp 12 phần biêu, trong đó T tham gia 02 phần và nói bà C có muốn nhận chuyển giao một phần biêu của T tại kỳ 7 dây biêu này không thì bà C đồng ý và chuyển cho T số tiền 109.200.000 đồng. Đến ngày 20/11/2016, T đưa cho bà C 2.200.000 đồng là tiền lãi của kỳ 8 nên số tiền T chiếm đoạt của bà C tại dây biêu này là 107.000.000 đồng

- Ngày 08/11/2016, T cũng nói với bà C là T đang làm chủ dây biêu biêu 10 ngày, mỗi ngày 3.000.000 đồng có 12 người tham gia và T nói với Cúc là có người muốn chuyển giao phần biêu, nên bà C đồng ý và đưa cho T số tiền 33.100.000 đồng để nhận phần biêu chuyển giao và T đã chiếm đoạt số tiền trên của bà C;

- Ngày 15/11/2016 T cũng đưa ra thông tin giống như ngày 08/11/2016 và bà C đã đưa cho T 34.500.000 đồng để nhận phần biêu chuyển giao và T đã chiếm đoạt số tiền trên của bà C.

2/ Bà Nguyễn Phan Diễm T1 (sinh năm 1980; trú tại nhà số 06 đường D, thành phố T, tỉnh Quảng Nam) tham gia 04 dây biêu từ 3.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng, T đã chiếm đoạt của bà T1 60.320.000 đồng:

- Ngày 12/6/2016, bà T1 tham gia dây biêu tháng 6.000.000 đồng, số tiền bà T1 góp tại dây biêu này và T đã chiếm đoạt là 31.640.000 đồng;

- Ngày 30/9/2016, bà T1 tham gia dây biêu 10 ngày, mỗi ngày 3.000.000 đồng số tiền bà T1 góp tại dây biêu này và T đã chiếm đoạt 16.970.000 đồng;

- Ngày 25/10/2016, bà T1 tham gia dây biêu 10 ngày, mỗi ngày 3.000.000 đồng số tiền bà T1 góp tại dây biêu này và T đã chiếm đoạt 8.710.000 đồng;

- Ngày 16/11/2016, bà T1 tham gia dây biêu 10 ngày, mỗi ngày 3.000.000 đồng số tiền bà T1 góp tại dây biêu này và T đã chiếm đoạt 3.000.000 đồng.

3/ Ông Trần Đăng K (sinh năm 1976; trú tại phường H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam) tham gia 02 dây biêu tháng 6.000.000 đồng và dây biêu 10 ngày, mỗi ngày 2.000.000 đồng, T đã chiếm đoạt của ông K số tiền 62.830.000 đồng:

- Ngày 23/02/2016, ông K tham gia dây biêu tháng 6.000.000 đồng, số tiền ông K góp tại dây biêu này và T đã chiếm đoạt là 49.870.000 đồng;

- Ngày 22/9/2016, ông K tham gia dây biêu 10 ngày, mỗi ngày 2.000.000 đồng, số tiền ông K góp tại dây biêu này và T đã chiếm đoạt là 12.960.000 đồng.

4/ Ông Trần Văn Trí H (sinh năm 1977; trú tại nhà số 02 đường D, thành phố T, tỉnh Quảng Nam) tham gia 02 dây biêu 10 ngày, mỗi ngày 3.000.000

đồng. T đã chiếm đoạt của ông H số tiền 68.480.000 đồng:

- Ngày 22/8/2016, ông H tham gia dây biêu tháng 3.000.000 đồng, số tiền ông H góp tại dây biêu này và T đã chiếm đoạt là 54.820.000 đồng;

- Ngày 30/9/2016, ông H tham gia dây biêu 10 ngày, mỗi ngày 3.000.000 đồng, số tiền ông H góp tại dây biêu này và T đã chiếm đoạt 13.660.000đ;

5/ Bà Ngô Nguyệt L (sinh năm 1969, trú tại khối phố 2, phường AN Sơn, thành phố T, tỉnh Quảng Nam) tham gia 02 dây biêu tháng, mỗi tháng 10.000.000 đồng, T đã chiếm đoạt của bà L 50.650.000đồng:

- Ngày 26/4/2016, bà L tham gia dây biêu tháng 10.000.000 đồng, số tiền Linh góp tại dây biêu này và T đã chiếm đoạt là 31.850.000 đồng;

- Ngày 22/8/2016, bà L tham gia dây biêu tháng 10.000.000 đồng, số tiền bà L góp tại dây biêu này và T đã chiếm đoạt là 18.800.000 đồng.

6/ Bà Huỳnh Thị Kim C1 (sinh năm 1968; trú tại phường H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam) tham gia 02 dây biêu 10 ngày, một dây 3.000.000 đồng/ngày và một dây 1.000.000 đồng/ngày, T đã chiếm đoạt của bà C1 số tiền 37.130.000 đồng:

- Ngày 07/8/2016, bà C1 tham dây biêu mười ngày 3.000.000 đồng, số tiền bà C1 góp tại dây biêu này và T đã chiếm đoạt là 29.840.000 đồng;

- Ngày 18/8/2016, bà C1 tham gia dây biêu 10 ngày 1.000.000 đồng, số tiền bà C1 góp tại dây biêu này và T đã chiếm đoạt là 7.290.000 đồng.

7/ Bà Ngô Nguyệt M (sinh năm 1963; trú tại nhà số 121 đường Huỳnh Thúc Kháng, thành phố T, tỉnh Quảng Nam) tham gia 02 dây biêu tháng 6.000.000 đồng, T đã chiếm đoạt của bà Mỹ số tiền 19.800.000 đồng:

- Ngày 23/02/2016, bà Mỹ tham gia dây biêu tháng 6.000.000 đồng, đến kỳ mở biêu thứ 2 bà Mỹ lĩnh biêu và T đã đưa cho bà Mỹ 55.000.000 đồng. Dây biêu này bà Mỹ đóng được 54.000.000 đồng thì T bỏ trốn. Như vậy tại dây biêu này bà Mỹ còn nợ T số tiền 1.000.000 đồng;

- Ngày 18/8/2016, bà Mỹ tham gia dây biêu tháng 6.000.000 đồng; T đã chiếm đoạt của bà Mỹ số tiền 20.800.000 đồng.

8/ Bà Nguyễn Thị L1 (sinh năm 1966; trú tại khối phố B, phường H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam) tham gia 02 dây biêu, T đã chiếm đoạt của bà L1 số tiền 13.190.000 đồng:

- Ngày 17/2/2016, bà L1 tham gia 02 dây biêu tháng, 2.000.000 đồng/tháng, số tiền bà L1 đã đóng và T đã chiếm đoạt của bà L1 tại dây biêu này là 5.570.000 đồng;

- Ngày 24/6/2016, bà L1 tham gia dây biêu 10 ngày, 2.000.000 đồng/ngày số tiền bà L1 đã đóng và T đã chiếm đoạt của bà L1 tại dây biêu này là 7.620.000 đồng.

9/ Bà Nguyễn Thị Thu H (sinh năm 1956; trú tại nhà số 05, đường D, thành phố T, tỉnh Quảng Nam) tham gia 03 dây biêu, T đã chiếm đoạt của bà H số tiền 3.850.000 đồng:

- Ngày 20/9/2016, bà H tham gia vào dây biêu 10 ngày, 1.000.000 đồng/ngày, T đã chiếm đoạt của bà H tại dây biêu này là 1.000.000 đồng;

- Ngày 27/10/2016, bà H tham gia vào dây biêu 10 ngày 1.000.000 đồng/ngày, T đã chiếm đoạt của bà H tại dây biêu này là 1.000.000 đồng;

- Ngày 30/10/2016, bà H tham gia vào biêu 10 ngày 1.000.000 đồng/ngày, T đã chiếm đoạt của bà H tại dây biêu này là 1.850.000 đồng.

10/ Bà Nguyễn Thị Diễm N (sinh năm 1976; trú tại nhà số thành phố Đà Nẵng) tham gia vào dây biêu tháng 2.000.000 đồng/tháng. Đến tháng 9/2016, T gọi điện cho bà Nhung nói nộp biêu 5 kỳ tổng số tiền 7.850.000 đồng. Sau đó, T có nhờ Lương Thị Minh T2 (sinh năm 1981, trú tại Đà Nẵng - là cháu T) đến gặp bà Nhung lấy tiền và T đã chiếm đoạt của bà Nhung số tiền trên.

11/ Bà Trần Thị Kim T (sinh năm 1989; trú tại khối phố B, phường H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam) tham gia vào dây biêu tháng, 2.000.000 đồng/tháng bắt đầu vào biêu từ ngày 16/9/2016, T đã chiếm đoạt của bà T số tiền 5.500.000 đồng.

12/ Bà Nguyễn Thị Thu U (sinh năm 1974; trú tại khối phố B, phường H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam) tham gia 01 dây biêu tháng, 2.000.000 đồng/tháng bắt đầu vào biêu ngày 07/7/2016, T đã chiếm đoạt của bà U số tiền 5.600.000 đồng.

- Tại Bản kết luận giám định số 119/KLGD-PC45 ngày 30/8/2017, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Nam kết luận: Chữ viết trên tài liệu gồm 20 tờ và 05 quyển sổ có ghi nội dung Phan Thị Hồng T nhận tiền góp biêu của những người bị hại nêu trên đều do T viết ra.

- Vật chứng: Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Quảng Nam đã tiến hành tạm giữ các tài liệu cụ thể: 20 tờ giấy do T ghi nội dung nộp tiền biêu kỳ của các bị hại giao nộp; 05 quyển sổ có ghi nội dung Phan Thị Hồng T nhận tiền góp biêu của nhiều người; 01 điện thoại di động nhãn hiệu HTC, vỏ màu trắng của Phan Thị Hồng T.

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 25/2018/HSST ngày 30/8/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam quyết định:

1/Tuyên bố bị cáo Phan Thị Hồng T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Phan Thị Hồng T 09 (chín) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (ngày 27/9/2017).

2/ Về trách nhiệm dân sự. Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 và Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015, buộc bị cáo Phan Thị Hồng T bồi thường thiệt hại về tài sản cho 11 người bị hại gồm các ông bà: Ngô Nguyệt C, Nguyễn Phan Diễm T1, Trần Đăng K, Trần Văn Trí H, Ngô Nguyệt L, Huỳnh Thị Kim C1, Ngô Nguyệt M, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Thị Diễm N, Trần Thị Kim C2, Nguyễn Thị Thu U, với tổng số tiền là 725.830.000 đồng (bảy trăm hai mươi lăm triệu, tám trăm ba mươi nghìn đồng), cụ thể:

Bồi thường cho bà Ngô Nguyệt C số tiền 421.820.000 đ (Bốn trăm hai mươi một ngàn, tám trăm hai mươi ngàn đồng); bồi thường cho bà Nguyễn Phan Diễm T1 số tiền 60.320.000đ (sáu mươi triệu, ba trăm hai mươi ngàn đồng); bồi thường cho ông Trần Đăng K số tiền 52.830.000đ (năm mươi hai triệu, tám trăm ba mươi ngàn đồng); bồi thường cho ông Trần Văn Trí H số tiền 68.480.000đ (sáu mươi tám triệu, bốn trăm tám mươi ngàn đồng); bồi thường cho bà Ngô Nguyệt L số tiền 50.650.000đ (năm mươi triệu, sáu trăm năm mươi ngàn đồng); bồi thường cho bà Huỳnh Thị Kim C1 số tiền 29.130.000đ (hai mươi chín triệu, một trăm ba mươi ngàn đồng); bồi thường cho bà Ngô Nguyệt M số tiền 19.800.000đ (mười chín triệu, tám trăm ngàn đồng); bồi thường cho bà Nguyễn Thị Thu H số tiền 3.850.000đ (ba triệu, tám trăm năm mươi ngàn đồng); bồi thường cho bà Nguyễn Thị Diễm N số tiền 7.850.000đ (bảy triệu, tám trăm năm mươi ngàn đồng); bồi thường cho bà Trần Thị Kim C2 số tiền 5.500.000đ (năm triệu, năm trăm ngàn đồng); bồi thường cho bà Nguyễn Thị Thu U số tiền 5.600.000đ (năm triệu, sáu trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và các bị hại có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo Phan Thị Hồng T không tự nguyện thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

3/ Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 87 và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tuyên: Lưu giữ tại hồ sơ vụ án 20 (Hai mươi) tờ giấy do bị cáo T ghi nội dung nộp tiền biểu kỳ của các bị hại giao nộp và 05 (năm) quyển sổ có ghi nội dung Phan Thị Hồng T nhận tiền góp biểu của các bị hại. Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu HTC, vỏ màu trắng của Phan Thị Hồng T.

Vật chứng hiện quản lý tại hồ sơ vụ án và tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam (theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/7/2018 - BL 424).

4/ Về án phí: Bị cáo Phan Thị Hồng T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 33.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngày 05/9/2018, Phan Thị Hồng T có Đơn kháng cáo cho rằng mức hình phạt 09 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là “*quá cao*”

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Trong quá trình tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm, các Thẩm phán, thành viên Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; Bị cáo chấp hành nghiêm chỉnh nội quy phiên tòa và thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ khi tham gia tố tụng.

+ Về nội dung: Đề nghị cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm

- Luật sư bào chữa cho bị cáo: Cho rằng Tòa án áp dụng tình tiết tăng nặng “*Phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự 2015 là không đúng vì bị cáo chưa bị kết án về tội phạm này lần nào nên đề nghị cấp phúc thẩm bỏ tình tiết tăng nặng này để giảm hình phạt cho bị cáo.

- Bị cáo Phan Thị Hồng T: Xin Tòa giảm hình phạt để sớm trở về nuôi con nhỏ, làm để khắc phục hậu quả cho những người bị hại.

Trên cơ sở các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, đề nghị của kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tội danh, khung hình phạt:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thừa nhận của bị cáo Phan Thị Hồng T tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay có đủ cơ sở xác định: Vào tháng 02/2016, do muốn có tiền chi tiêu cá nhân, bị cáo T đã thực hiện hành vi gian dối thông qua hình thức tổ chức góp biếu để chiếm đoạt tiền của nhiều người, cụ thể: bị cáo T đã nói dối những người góp biếu cho bị cáo là bị cáo làm chủ nhiều dây biếu mười ngày, biếu tháng với phần biếu thấp nhất là 1.000.000 đồng và cao nhất là 10.000.000 đồng; nói dối về số lượng người tham gia góp biếu trong một dây từ 11 đến 12 người và lập ra danh sách mỗi dây biếu từ 11 đến 12 người, nhưng thực tế chỉ có một đến ba người tham gia góp biếu thật; mỗi kỳ mở biếu T nói dối là đã có người lĩnh biếu để trả lãi cho người chơi và để họ tin tưởng tiếp tục góp biếu cho T. Sau khi nhận tiền góp biếu, T ghi nội dung góp biếu vào giấy rồi giao người tham gia góp biếu giữ làm tin, sau đó bị cáo chiếm đoạt số tiền góp phần biếu này; trên thực tế bị cáo không làm chủ các

dây biểu nêu trên, mỗi kỳ mở biểu không có người nào lĩnh biểu và trả tiền lãi, không tổ chức họp biểu, đầu biểu theo quy định.

Với thủ đoạn gian dối nêu trên thì trong thời gian từ tháng 02/2016 đến tháng 11/2016 tại địa bàn thành phố T, tỉnh Quảng Nam, bị cáo T đã chiếm đoạt của 12 bị hại với tổng số tiền 813.020.000 đồng để chi tiêu cá nhân. Lời khai nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với đơn tố cáo và lời khai của các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; vật chứng thu giữ, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ được chứng minh có tại hồ sơ vụ án. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo T phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, tội phạm và hình phạt quy định tại điểm a khoản 4 điều 174 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng khung hình phạt, đúng pháp luật.

[2]. Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

Hành vi phạm tội của bị cáo Phan Thị Hồng T là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản hợp pháp của nhiều người, gây xáo trộn tình hình trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo T nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết tăng nặng “*Phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự 2015 khi quyết định hình phạt với bị cáo là đúng pháp luật; quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo cho rằng bị cáo chưa bị kết án về tội phạm này lần nào nên đề nghị cấp phúc thẩm bỏ tình tiết tăng nặng này là không đúng pháp luật.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xét bị cáo T có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi lừa đảo chiếm đoạt được tài sản của nhiều người bị cáo T đã động viên gia đình khắc phục được một phần thiệt hại cho người bị hại nên áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s của khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự 2015 khi quyết định hình phạt với bị cáo là đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ bị cáo được hưởng.

Khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự có khung hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân. Tòa án cấp sơ thẩm xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ để áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo mức hình phạt 09 năm tù là dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, là không nặng; do đó, cấp phúc thẩm xét thấy không có cơ sở chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo Phan Thị Hồng T, giữ nguyên quyết định tại bản án hình sự sơ thẩm số 25/2018/HS-ST ngày 30/8/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, cụ thể như sau:

1/Tuyên bố bị cáo Phan Thị Hồng T phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Phan Thị Hồng T 09 (chín) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (ngày 27/9/2017).

2/ Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 và Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015, buộc bị cáo Phan Thị Hồng T bồi thường thiệt hại về tài sản cho 11 người bị hại gồm các ông bà: Ngô Nguyệt C, Nguyễn Phan Diễm T1, Trần Đăng K, Trần Văn Trí H, Ngô Nguyệt L, Huỳnh Thị Kim C1, Ngô Nguyệt M, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Thị Diễm N, Trần Thị Kim C2 và Nguyễn Thị Thu U với tổng số tiền là 725.830.000 đồng (bảy trăm hai mươi lăm triệu, tám trăm ba mươi nghìn đồng), cụ thể:

Bồi thường cho bà Ngô Nguyệt C số tiền 421.820.000đ (bốn trăm hai mươi một ngàn, tám trăm hai mươi ngàn đồng); bồi thường cho bà Nguyễn Phan Diễm T1 số tiền 60.320.000đ (sáu mươi triệu, ba trăm hai mươi ngàn đồng); bồi thường cho ông Trần Đăng K số tiền 52.830.000đ (năm mươi hai triệu, tám trăm ba mươi ngàn đồng); bồi thường cho ông Trần Văn Trí H số tiền 68.480.000đ (sáu mươi tám triệu, bốn trăm tám mươi ngàn đồng); bồi thường cho bà Ngô Nguyệt L số tiền 50.650.000đ (năm mươi triệu, sáu trăm năm mươi ngàn đồng); bồi thường cho bà Huỳnh Thị Kim C1 số tiền 29.130.000đ (hai mươi chín triệu, một trăm ba mươi ngàn đồng); bồi thường cho bà Ngô Nguyệt M số tiền 19.800.000đ (mười chín triệu, tám trăm ngàn đồng); bồi thường cho bà Nguyễn Thị Thu H số tiền 3.850.000đ (ba triệu, tám trăm năm mươi ngàn đồng); bồi thường cho bà Nguyễn Thị Diễm N số tiền 7.850.000đ (bảy triệu, tám trăm năm mươi ngàn đồng); bồi thường cho bà Trần Thị Kim C2 số tiền 5.500.000đ (năm triệu, năm trăm ngàn đồng); bồi thường cho bà Nguyễn Thị Thu U số tiền 5.600.000đ (năm triệu, sáu trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và các bị hại có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo Phan Thị Hồng T không tự nguyện thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

3/ Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 87 và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng

hình sự năm 2015, tuyên: Lưu giữ tại hồ sơ vụ án 20 (Hai mươi) tờ giấy do bị cáo T ghi nội dung nộp tiền biên kỳ của các bị hại giao nộp và 05 (năm) quyển sổ có ghi nội dung Phan Thị Hồng T nhận tiền góp biên của các bị hại. Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu HTC, vỏ màu trắng của Phan Thị Hồng T. Vật chứng hiện quản lý tại hồ sơ vụ án và tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam (theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/7/2018 – bút lục 424).

4/ Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Buộc bị cáo Phan Thị Hồng T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, 33.000.000đ án phí dân sự sơ thẩm và 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Công an tỉnh Quảng Nam;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Nam;
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đặng Kim Nhân